CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
LAM DONG WATER SUPPLY & SEWERAGE JSC
PHÒNG LAB HÓA LÝ VÀ SINH HỌC - PHÒNG KỸ THUẬT
LABORATORY OF PHYSICAL CHEMISTRY & BIOLOGICAL TECHNICAL DEPARTMENT
Địa chỉ: 50 Hùng Vương - Phường 9 - Đà Lạt - Lâm Đồng

AOSC
VLAT 1.0450
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /*No:* ***24N054***

1. Khách hàng / *Customer:* **Công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh**
2. Địa chỉ / *Address:* 524 Hùng Vương - Thị trấn Di Linh
3. Loại mẫu / *Type of sample:* Nước ăn uống **4. Số mẫu:** 01
5. Tên mẫu / *Sample name:* Đài 500
6. Ngày nhận mẫu / *Sample received date:* 16/10/2024
7. Ngày trả kết quả / *Result issued date:* 23/10/2024
8. Lưu mẫu / *Storage* ☐ Có / *Yes* ☒ Không / *No*
9. Kết quả / *Results*:

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results	PHƯƠNG PHÁP Method
1	Màu sắc / *Color*	(TCU)	15	0	HDPP.10 Ref.SMEWW 24th 2120C
2	Mùi vị / *Odor and taste*	-	Không	Không có mùi, vị lạ	Cảm quan
3	Độ đục / *Turbidity* (*)	NTU	2	0.10	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.64	HDPP.01
5	Arsenic/ *As*	mg/l	0.01	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / *Residual Clorine*	mg/l	0.2 - 1.0	0.54	Hach 8021
7	Coliform tổng số / *Total Coliform* (*)	CFU/100ml	<3	<1	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét
- Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB **PHÒNG KỸ THUẬT**

Lê Thị Tố Loan **Hà Ngọc Quế**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
LAM DONG WATER SUPPLY & SEWERAGE JSC
PHÒNG LAB HÓA LÝ VÀ SINH HỌC - PHÒNG KỸ THUẬT
LABORATORY OF PHYSICAL CHEMISTRY & BIOLOGICAL TECHNICAL DEPARTMENT
Địa chỉ: 50 Hùng Vương - Phường 9 - Đà Lạt - Lâm Đồng

AOSC
VLAT 1.0450
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /*No:* *24N054*

1. Khách hàng / *Customer:* **Công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh**
2. Địa chỉ / *Address:* 524 Hùng Vương - Thị trấn Di Linh
3. Loại mẫu / *Type of sample:* Nước ăn uống **4. Số mẫu:** 01
5. Tên mẫu / *Sample name:* Trạm Hòa Ninh
6. Ngày nhận mẫu / *Sample received date:* 16/10/2024
7. Ngày trả kết quả / *Result issued date:* 23/10/2024
8. Lưu mẫu / *Storage* ☐ Có / *Yes* ☒ Không / *No*
9. Kết quả / *Results* :

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results	PHƯƠNG PHÁP Method
1	Màu sắc / *Color*	(TCU)	15	3	HDPP.10 Ref.SMEWW 24th 2120C
2	Mùi vị / *Odor and taste*	-	Không	Không có mùi, vị lạ	Cảm quan
3	Độ đục / *Turbidity* (*)	NTU	2	0.10	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.49	HDPP.01
5	Arsenic/ *As*	mg/l	0.01	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / *Residual Clorine*	mg/l	0.2 - 1.0	0.46	Hach 8021
7	Coliform tổng số / *Total Coliform* (*)	CFU/100ml	<3	<1	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét

- Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB **PHÒNG KỸ THUẬT**

Lê Thị Tố Loan **Hà Ngọc Quế**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
LAM DONG WATER SUPPLY & SEWERAGE JSC
PHÒNG LAB HÓA LÝ VÀ SINH HỌC - PHÒNG KỸ THUẬT
LABORATORY OF PHYSICAL CHEMISTRY & BIOLOGICAL TECHNICAL DEPARTMENT
Địa chỉ: 50 Hùng Vương - Phường 9 - Đà Lạt - Lâm Đồng

AOSC
VLAT 1.0450
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /*No:* ***24N054***

1. Khách hàng / *Customer:* **Công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh**
2. Địa chỉ / *Address:* 524 Hùng Vương - Thị trấn Di Linh
3. Loại mẫu / *Type of sample:* Nước ăn uống **4. Số mẫu:** **01**
5. Tên mẫu / *Sample name:* 42 Thôn 6 - Hoà Ninh
6. Ngày nhận mẫu / *Sample received date:* 16/10/2024
7. Ngày trả kết quả / *Result issued date:* 23/10/2024
8. Lưu mẫu / *Storage* ☐ Có / *Yes* ☒ Không / *No*
9. Kết quả / *Results* :

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results	PHƯƠNG PHÁP Method
1	Màu sắc / *Color*	(TCU)	15	3	HDPP.10 Ref.SMEWW 24th 2120C
2	Mùi vị / *Odor and taste*	-	Không	Không có mùi, vị lạ	Cảm quan
3	Độ đục / *Turbidity* (*)	NTU	2	0.10	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	6.75	HDPP.01
5	Arsenic/ *As*	mg/l	0.01	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / *Residual Clorine*	mg/l	0.2 - 1.0	0.23	Hach 8021
7	Coliform tổng số / *Total Coliform* (*)	CFU/100ml	<3	<1	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét
- Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB **PHÒNG KỸ THUẬT**

Lê Thị Tố Loan **Hà Ngọc Quế**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
LAM DONG WATER SUPPLY & SEWERAGE JSC
PHÒNG LAB HÓA LÝ VÀ SINH HỌC - PHÒNG KỸ THUẬT
LABORATORY OF PHYSICAL CHEMISTRY & BIOLOGICAL
TECHNICAL DEPARTMENT
Địa chỉ: 50 Hùng Vương - Phường 9 - Đà Lạt - Lâm Đồng

AOSC
VLAT 1.0450
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /*No:* ***24N054***

1. Khách hàng / *Customer:* **Công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh**
2. Địa chỉ / *Address:* 524 Hùng Vương - Thị trấn Di Linh
3. Loại mẫu / *Type of sample:* Nước ăn uống **4. Số mẫu:** 01
5. Tên mẫu / *Sample name:* Số 90 Thôn 2A - Xã Đinh Trang Hoà
6. Ngày nhận mẫu / *Sample received date:* 16/10/2024
7. Ngày trả kết quả / *Result issued date:* 23/10/2024
8. Lưu mẫu / *Storage* ☐ Có / *Yes* ☒ Không / *No*
9. Kết quả / *Results* :

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results	PHƯƠNG PHÁP Method
1	Màu sắc / *Color*	(TCU)	15	0	HDPP.10 Ref.SMEWW 24th 2120C
2	Mùi vị / *Odor and taste*	-	Không	Không có mùi, vị lạ	Cảm quan
3	Độ đục / *Turbidity* (*)	NTU	2	0.16	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.17	HDPP.01
5	Arsenic/ *As*	mg/l	0.01	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / *Residual Clorine*	mg/l	0.2 - 1.0	0.38	Hach 8021
7	Coliform tổng số / *Total Coliform* (*)	CFU/100ml	<3	<1	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét
- Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB **PHÒNG KỸ THUẬT**

Lê Thị Tố Loan **Hà Ngọc Quế**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
LAM DONG WATER SUPPLY & SEWERAGE JSC
PHÒNG LAB HÓA LÝ VÀ SINH HỌC - PHÒNG KỸ THUẬT
LABORATORY OF PHYSICAL CHEMISTRY & BIOLOGICAL TECHNICAL DEPARTMENT
Địa chỉ: 50 Hùng Vương - Phường 9 - Đà Lạt - Lâm Đồng

AOSC
VLAT 1.0450
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /*No:* ***24N054***

1. Khách hàng / *Customer:* **Công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh**
2. Địa chỉ / *Address:* 524 Hùng Vương - Thị trấn Di Linh
3. Loại mẫu / *Type of sample:* Nước ăn uống **4. Số mẫu:** 01
5. Tên mẫu / *Sample name:* 325 Lý Thường Kiệt
6. Ngày nhận mẫu / *Sample received date:* 16/10/2024
7. Ngày trả kết quả / *Result issued date:* 23/10/2024
8. Lưu mẫu / *Storage* ☐ Có / *Yes* ☒ Không / *No*
9. Kết quả / *Results* :

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results	PHƯƠNG PHÁP Method
1	Màu sắc / *Color*	(TCU)	15	3	HDPP.10 Ref.SMEWW 24th 2120C
2	Mùi vị / *Odor and taste*	-	Không	Không có mùi, vị lạ	Cảm quan
3	Độ đục / *Turbidity* (*)	NTU	2	0.11	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.06	HDPP.01
5	Arsenic/ *As*	mg/l	0.01	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / *Residual Clorine*	mg/l	0.2 - 1.0	0.32	Hach 8021
7	Coliform tổng số / *Total Coliform* (*)	CFU/100ml	<3	<1	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét
- Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB **PHÒNG KỸ THUẬT**

Lê Thị Tố Loan **Hà Ngọc Quế**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
LAM DONG WATER SUPPLY & SEWERAGE JSC
PHÒNG LAB HÓA LÝ VÀ SINH HỌC - PHÒNG KỸ THUẬT
LABORATORY OF PHYSICAL CHEMISTRY & BIOLOGICAL TECHNICAL DEPARTMENT
Địa chỉ: 50 Hùng Vương - Phường 9 - Đà Lạt - Lâm Đồng

AOSC
VLAT 1.0450
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số */No:* ***24N054***

1. Khách hàng / *Customer:* **Công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh**
2. Địa chỉ / *Address:* 524 Hùng Vương - Thị trấn Di Linh
3. Loại mẫu / *Type of sample:* Nước ăn uống **4. Số mẫu:** 01
5. Tên mẫu / *Sample name:* 1380 Hùng Vương
6. Ngày nhận mẫu / *Sample received date:* 16/10/2024
7. Ngày trả kết quả / *Result issued date:* 23/10/2024
8. Lưu mẫu / *Storage* ☐ Có / *Yes* ☒ Không / *No*
9. Kết quả / *Results* :

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results	PHƯƠNG PHÁP Method
1	Màu sắc / *Color*	(TCU)	15	3	HDPP.10 Ref.SMEWW 24th 2120C
2	Mùi vị / *Odor and taste*	-	Không	Không có mùi, vị lạ	Cảm quan
3	Độ đục / *Turbidity* (*)	NTU	2	0.10	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.40	HDPP.01
5	Arsenic/ *As*	mg/l	0.01	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / *Residual Clorine*	mg/l	0.2 - 1.0	0.21	Hach 8021
7	Coliform tổng số / *Total Coliform* (*)	CFU/100ml	<3	<1	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét
- Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB **PHÒNG KỸ THUẬT**

Lê Thị Tố Loan **Hà Ngọc Quế**